

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai, thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực pháp chế từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến nay

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20/11/2015; căn cứ Chương trình công tác, Chương trình giám sát của Ban Pháp chế HĐND tỉnh năm 2020; Ban Pháp chế HĐND tỉnh đã tiến hành giám sát qua văn bản về kết quả triển khai, thực hiện 15 nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực pháp chế từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến nay đối với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh.

Trên cơ sở xem xét báo cáo của các cơ quan, đơn vị và các văn bản, tài liệu có liên quan, Ban Pháp chế HĐND tỉnh báo cáo như sau:

I - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nghị quyết

Sau khi các nghị quyết được ban hành, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để các cấp, các ngành thực hiện. Đối với một số nghị quyết đã quy định cụ thể, chi tiết, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện. Các Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh đã bám sát nghị quyết của HĐND tỉnh, chỉ đạo của UBND tỉnh để hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện nghị quyết cơ bản kịp thời, phù hợp với từng đối tượng để đưa nghị quyết vào cuộc sống.

2. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nghị quyết và các văn bản của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đến các đối tượng liên quan

Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết và các văn bản của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành được quan tâm thực hiện. Hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, như: tổ chức các hội nghị quán triệt nghị quyết; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức... Qua đó, đã giúp các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ nội dung các nghị quyết và thấy được trách nhiệm của mình trong quá

trình triển khai, thực hiện nghị quyết: đa số người dân đã nắm bắt được các cơ chế, chính sách và quyền lợi mình được thụ hưởng theo nghị quyết.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp trong thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết được một số sở, ngành triển khai, thực hiện. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh được tăng cường.

4. Kết quả và tác động của việc triển khai, thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh

Các mục tiêu, chỉ tiêu và các nội dung nghị quyết cơ bản được triển khai, thực hiện và đạt được một số kết quả nhất định. Việc triển khai, thực hiện nghị quyết đã góp phần tích cực vào việc đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể:

a) Về lĩnh vực Tư pháp (có 04 nghị quyết)

- Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh

Hàng năm các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đều chủ động xây dựng, lập dự toán ngân sách để phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và đảm bảo theo quy định. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đã nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Sau khi có nghị quyết, mức hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải được nâng lên, đã khuyến khích, huy động các hòa giải viên tích cực tham gia công tác hòa giải ở cơ sở, nâng cao chất lượng hòa giải của hòa giải viên. Qua công tác hòa giải ở cơ sở đã hỗ trợ cho chính quyền địa phương trong việc giải quyết trực tiếp những vụ việc vi phạm pháp luật, tranh chấp trong nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; hạn chế đơn thư, khiếu nại vượt cấp; tiết kiệm thời gian và tiền bạc của cơ quan nhà nước và công dân; nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thành ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

- Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính được chi hỗ trợ theo ngày thực hiện nhiệm vụ, với mức 20.000 đồng/ngày đối với cán bộ, công chức thuộc cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện; 15.000đ/ngày đối với cán bộ, công chức tại UBND cấp xã. Nguồn kinh phí được trích từ chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. Nghị quyết được ban hành có tác động tích cực đối với cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, góp phần nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí về thời gian, kinh phí khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Việc thực hiện nghị quyết, đã góp phần nâng cao chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp, các ngành chủ động trong việc tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, khuyến khích động viên cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến ngày 31/3/2020 cấp tỉnh ban hành được 193 văn bản quy phạm pháp luật, cấp huyện ban hành được 58 văn bản quy phạm pháp luật, cấp xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Kinh phí thực hiện ở cấp tỉnh là: 1.864 triệu đồng.

b) Về lĩnh vực Nội vụ (có 05 nghị quyết).

- Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và một số chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

Nghị quyết được ban hành để tổ chức, thực hiện các văn bản của trung ương, Đề án số 01-TU/ĐA ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các cơ quan đơn vị tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021. Việc thực hiện chế độ, chính sách theo nghị quyết được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, đã động viên kịp thời đội ngũ cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; đã thu hút được nhiều người có trình độ tham gia đảm nhiệm và giảm bớt được khó khăn cho đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở. Việc bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách theo hướng tăng kiêm nhiệm, giảm số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân so với trước đây. Tổng kinh phí chi trả từ tháng 8/2017 đến 31/12/2019 là 374.195.709.000 đồng, trong đó: Phụ cấp theo các chức danh chính: 235.915.224.000 đồng; phụ cấp kiêm nhiệm: 136.286.680.000 đồng; hỗ

tự bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có tổng mức phụ cấp hằng tháng thấp hơn mức tương cơ sở: 255.688.000 đồng; hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với công an viên ở thôn: 1.738.117.000 đồng. Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị cấp xã là 839.913.000 đồng/tháng (kinh phí từ tháng 8/2017 đến 31/12/2019 là: 23.421.064.000 đồng). Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị ở thôn, tổ dân phố là 2.534.172.000 đồng/tháng.

- Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu "Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc"

Nghị quyết ban hành đề ghi nhận và động viên các cá nhân có công lao đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc; làm cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người dân nỗ lực phấn đấu chung tay, góp sức vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc. Sau hơn 3 năm thực hiện nghị quyết, Chủ tịch UBND tỉnh đã tặng Huy hiệu "Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc" cho 9.676 cá nhân là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh, Đảng viên đã được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên. Tổng kinh phí chi khen thưởng, xét tặng Huy hiệu "Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc" là 7.975 triệu đồng, trong đó: năm 2018 là: 3.972 triệu đồng; năm 2019 là 3.395 triệu đồng; từ đầu năm 2020 đến nay là 393 triệu đồng.

- Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút giai đoạn 2017- 2021

Thực hiện Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã cử 52 bác sĩ đi đào tạo sau đại học (Bác sĩ chuyên khoa cấp II: 07 người, thạc sĩ Y khoa: 12 người, Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 33 người).

- Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng thôi việc theo nguyện vọng và Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 24/10/2017 của HĐND tỉnh

Đến thời điểm giám sát, số lượng người đã hưởng chính sách thôi việc theo nghị quyết đạt 90,4% số lượng dự kiến thôi việc khi xây dựng nghị quyết. Từ tháng 11/2017 đến tháng 03/2020 toàn tỉnh đã có 52 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đề nghị giải quyết chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng đối với 1.157 cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng thôi việc theo nghị quyết là 142.37 tỷ đồng.

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15/7/2019 của HĐND tỉnh về việc sáp nhập và đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Đến nay, đã thực hiện sáp nhập 274 thôn, tổ dân phố để thành lập 131 thôn, tổ dân phố; giảm 143 thôn, tổ dân phố (trước khi sáp nhập, toàn tỉnh có 1.379 thôn, tổ dân phố; sau sáp nhập còn 1.236 thôn, tổ dân phố). Đã thực hiện đổi tên 21 thôn, tổ dân phố. Các thôn, tổ dân phố mới thành lập đã thực hiện kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và bố trí người hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố đúng kế hoạch. Sau khi sáp nhập, toàn tỉnh đã giảm 715 người hoạt động không chuyên trách; giảm 1.128 triệu đồng/tháng chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách; giảm 256 triệu đồng/tháng chi khoản kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ phố.

c) Về lĩnh vực Tài chính (có 03 nghị quyết).

- Nghị quyết 36/2016/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của HĐND tỉnh Quy định một số điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh

Nghị quyết được ban hành là căn cứ để xây dựng dự toán chi cho từng nhiệm vụ cụ thể đối với hoạt động của HĐND các cấp, là cơ sở thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí đối với đơn vị. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2020 là: 101.047 triệu đồng, trong đó cấp huyện: 27.056 triệu đồng, cấp xã: 73.991 triệu đồng. Kinh phí được cấp hàng năm đã đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh. Các nội dung chi được thực hiện theo đúng nhiệm vụ được giao, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ. Việc thực hiện nghị quyết góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 38/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước trên địa bàn tỉnh

Nghị quyết quy định chi tiết một số nội dung, mức chi quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đảm bảo phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối ngân sách của địa phương. Các mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đều tăng so với mức chi trước đây, phù hợp với sự biến động giá cả của thị trường, đảm bảo kinh phí cho cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 15/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định mức phân bổ, một số nội dung chi và mức chi đặc thù bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Nghị quyết được ban hành là cơ sở để phân bổ nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu cho các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo an toàn giao thông; đồng thời các nội dung chi và mức chi đặc thù đảm bảo trật tự an toàn giao thông được quy định cụ thể để các cơ quan, đơn vị áp dụng thuận lợi trong quá trình thực thi nhiệm vụ và chấp hành ngân sách. Tổng kinh phí được ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh năm 2019: 22.364 triệu đồng, năm 2020: 20.652 triệu đồng.

d) Về lĩnh vực Công an (có 02 nghị quyết).

- Nghị quyết số 40/2018/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ người được Công an tỉnh tuyển chọn tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại nơi đường sắt giao nhau với đường bộ không có nhân viên đường sắt gác

Nghị quyết được ban hành đã tạo cơ sở cho việc huy động, lựa chọn lực lượng quần chúng tham gia công tác bảo đảm an toàn giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt với đường ngang dân sinh không có nhân viên đường sắt gác và tạo động lực để lực lượng này yên tâm làm nhiệm vụ. Qua quá trình thực hiện nhìn chung đã cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra của nghị quyết, đã góp phần nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn giao thông. Từ khi thực hiện nghị quyết, tại các điểm đường sắt giao nhau với đường bộ có bố trí lực lượng quần chúng gác không xảy ra vụ tai nạn giao thông nào. Các chính sách hỗ trợ cho lực lượng này được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Năm 2019, kinh phí thực hiện nghị quyết là 1.625.760.000 đồng.

- Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh về việc trang bị phương tiện, thiết bị làm việc cho Công an xã, thị trấn nơi chưa bố trí Công an chính quy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Thực hiện nghị quyết đã tác động trực tiếp đến Công an các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi và khích lệ động viên tinh thần làm việc cho lực lượng Công an xã, thị trấn, qua đó đã góp phần đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Việc trang bị phương tiện, thiết bị làm việc cho Công an xã, thị trấn được Công an tỉnh thực hiện theo nội dung nghị quyết. Kinh phí thực hiện: Năm 2018 bố trí 6.036.900.000 đồng, năm 2019 bố trí 4.162.510.000 đồng.

II - HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh còn có hạn chế, bất cập và nguyên nhân sau:

I. Hạn chế, bất cập

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa thực sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, tổ chức, thực hiện một số nghị quyết. UBND cấp huyện chưa thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp xã triển khai, thực hiện một số nghị quyết HĐND tỉnh. Ở cấp xã có nơi, có chỗ chưa quan tâm chỉ đạo, triển khai, thực hiện các nghị quyết HĐND tỉnh, nên kết quả việc triển khai, thực hiện một số nghị quyết còn hạn chế.

- Việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện một số nghị quyết còn chậm, có nghị quyết chưa ban hành văn bản hướng dẫn, có văn bản hướng dẫn chưa phù hợp với nghị quyết, cụ thể:

+ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút giai đoạn 2017- 2021. Nghị quyết quy định: "*Bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú; bác sỹ đa khoa được đào tạo chính quy; tốt nghiệp hạng giỏi trở lên; tiến sĩ, thạc sĩ; người tốt nghiệp đại học chính quy; có chuyên ngành đào tạo thuộc những lĩnh vực cần thu hút theo kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh*". Tuy nhiên, hàng năm Sở Nội vụ chưa tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện.

+ Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND quy định tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu "*Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc*". Theo nghị quyết đối tượng được xét tặng Huy hiệu nhiều, tuy nhiên Sở Nội vụ lại có Văn bản Số 1227/SNV-TDKT ngày 12/10/2017 chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố thị xã, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không nhất thiết phải trình UBND tỉnh tặng Huy hiệu 100% cho cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương dù tiêu chuẩn là chưa phù hợp với Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND và Quyết định 944/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh quy định về việc xét tặng Huy hiệu "*Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc*".

+ Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND về việc trang bị phương tiện, thiết bị làm việc cho Công an xã, thị trấn nơi chưa bố trí Công an chính quy trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Sau 3 tháng Công an tỉnh mới tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 8513/KH-UBND về triển khai, thực hiện nghị quyết.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về một số nghị quyết của HĐND tỉnh còn chưa thật sự sâu, rộng, thường xuyên, liên tục; chưa có sự đổi mới về hình thức, phương pháp, chưa làm chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc triển khai, thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Kết quả triển khai, thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh còn hạn chế, bất cập như:

- Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND quy định tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Huy hiệu "17 sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Phúc". Sau hơn 3 năm thực hiện đến nay chỉ có hai nhóm đối tượng được xét tặng Huy hiệu còn nhiều nhóm đối tượng khác chưa được xem xét, xét tặng Huy hiệu, như: Cá nhân đã nghỉ hưu và đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh; các văn nghệ sỹ, nghệ nhân, công nhân, vận động viên, học sinh, sinh viên...

+ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng và thu hút giai đoạn 2017- 2021. Sau gần 3 năm thực hiện nghị quyết nhưng đến nay mới có 01 chính sách về đào tạo sau đại học được thực hiện (năm 2020 cử 52 bác sỹ đi đào tạo sau đại học), còn 3 chính sách (biệt phái, chính sách bồi dưỡng, chính sách thu hút) vẫn chưa được thực hiện.

+ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND về việc sáp nhập và đổi tên các thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay, còn thôn Đồng Dạ, xã Quang Yên, huyện Sông Lô chưa kiện toàn sắp xếp những người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

+ Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND quy định một số mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Sau gần 3 năm thực hiện nghị quyết nhưng đến nay mức chi chi thù lao cho hòa giải viên được thực hiện nhưng số lượng còn hạn chế; chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải được thực hiện nhưng trong đó có nội dung chi chưa đúng quy định của nghị quyết (chi sinh hoạt tổ hòa giải, hỗ trợ thêm cho hòa giải viên, chi tập huấn...); còn 2 loại mức chi (chi bồi dưỡng thành viên Ban Tổ chức bầu hòa giải viên, chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên) vẫn chưa được thực hiện.

- Việc bố trí nguồn kinh phí thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh còn chậm; có nơi chưa quan tâm bố trí kinh phí nên việc triển khai, thực hiện nghị quyết còn hạn chế, như:

+ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh: Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm, bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; có cơ quan, đơn vị chưa dự toán kinh phí riêng để thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, mà chủ yếu thực hiện công tác PBGDPL bằng kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

+ Nghị quyết số 38/2016/NQ/HĐND quy định một số mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh: Một số sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chưa quan tâm bố trí kinh phí và giải quyết chế độ phụ cấp cho cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đến thời điểm giám sát, một số nghị quyết có nội dung không còn phù hợp với văn bản mới của trung ương và thực tiễn của địa phương nhưng chưa được các sở, ngành kịp thời tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh xây dựng trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết mới thay thế, sửa đổi, bổ sung, cụ thể như:

+ Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND: Theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định: "*Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 3 người...*", Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND quy định: "*Thôn, tổ dân phố loại 1: 7 người; thôn, tổ dân phố loại 2 và loại 3: 5 người*"... Như vậy, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp với Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, tuy nhiên đến nay mới được Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng dự thảo nghị quyết thay thế Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND.

+ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND: Sau khi ban hành nghị quyết, ngày 5/12/2017 Chính phủ ban hành Nghị định 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ nên chính sách thu hút của tỉnh theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND không còn phù hợp, tuy nhiên đến nay Sở Nội vụ đang tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung hay thay thế một phần Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện một số nghị quyết còn hạn chế, chậm phát hiện, chưa kịp thời hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nghị quyết. Việc sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết HĐND tỉnh chưa được quan tâm đúng mức.

2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

Những hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân trong việc triển khai, thực hiện một số nghị quyết còn hạn chế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đối với một số nghị quyết chưa sâu sát, thiếu quyết liệt nên kết quả thực hiện nghị quyết còn một số hạn chế, bất cập.

- Trách nhiệm của một số sở, ngành chủ trì tham mưu, xây dựng và tổ chức thực hiện một số nghị quyết còn chưa cao; công tác thanh tra, kiểm tra và mối quan hệ phối hợp trong việc tổ chức, thực hiện một số nghị quyết còn chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ.

- Hệ thống văn bản quy định pháp luật của Trung ương, chính sách vĩ mô có nhiều thay đổi, do vậy việc triển khai thực hiện một số nghị quyết còn gặp khó khăn, bất cập.

III - KIẾN NGHỊ

Để thực hiện có hiệu quả nghị quyết của HĐND tỉnh trong thời gian tới, Ban Pháp chế HĐND tỉnh kiến nghị như sau:

1. Đối với Thường trực HĐND tỉnh

Tăng cường giám sát, kiểm tra việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo các cấp, các ngành, căn cứ vào kết quả giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh, khẩn trương khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập đã được chỉ ra để nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống, phát huy được hiệu quả.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh; định kỳ hàng năm sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành và các cơ quan thông tin đại chúng tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú đến mọi tầng lớp nhân dân, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết để kịp thời phát hiện, giải quyết và xử lý những hạn chế, vướng mắc, bất cập.

- Thường xuyên và định kỳ rà soát các nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành để kịp thời xem xét trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nội dung nghị quyết không còn phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cân đối bố trí kinh phí cho việc thực hiện các nghị quyết còn hiệu lực, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các nghị quyết đề ra.

3. Đối với Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh

a) Một số kiến nghị chung

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh để khắc phục những hạn chế, bất cập, những khó khăn, vướng mắc đã được chỉ ra qua giám sát.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đi vào chiều sâu, tập trung vào các nhóm đối tượng cụ thể, đối tượng đặc thù để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân, từ đó góp phần triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Thường xuyên làm tốt công tác phối hợp giữa các sở, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc; phối hợp với UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết HĐND tỉnh.

- Tích cực bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức các cấp nhất là cán bộ cấp xã trong việc triển khai, thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, kịp thời đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai, thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Hàng năm rà soát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết; kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập để điều chỉnh, bổ sung, đưa các giải pháp phù hợp và có những kiến nghị, đề xuất kịp thời.

b) Một số kiến nghị cụ thể

- Đối với Sở Tư pháp

+ Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai, thực hiện nghiêm, đầy đủ, có hiệu quả các mức chi (chi thù lao cho hòa giải viên, chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải, chi bồi dưỡng thành viên Ban Tổ chức bầu hòa giải viên, chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên) theo đúng quy định Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra, rà soát, xử lý các vi phạm trong thực hiện Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND.

+ Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành bố trí nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND.

- Đối với Sở Nội vụ

+ Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND, Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

+ Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, thực hiện nghiêm, đầy đủ, có hiệu quả một số nghị quyết của HĐND tỉnh, như: Xét tặng Huy hiệu cho đầy đủ các đối tượng theo quy định của Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND; thực hiện các chính sách biệt phái, chính sách bồi dưỡng, chính sách đào tạo sau đại học theo quy định của Nghị quyết số 30/2017/NQ-

HĐND: kiện toàn sắp xếp những người hoạt động không chuyên trách thôn Đồng Dạ, xã Quang Yên, huyện Sông Lô theo quy định của Nghị quyết số 43/NQ-HĐND.

- Đối với Công an tỉnh

Đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã bố trí xong công an chính quy tại các xã, thị trấn, đề nghị Công an tỉnh tổ chức tốt việc quản lý, sử dụng, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc cho Công an xã, thị trấn theo đúng quy định.

- Đối với Sở Tài chính

+ Phối hợp với Sở, ngành tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 38/2016/NQ/HĐND và các nghị quyết khác của HĐND tỉnh.

+ Phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng, trang bị phương tiện, thiết bị làm việc cho Công an xã, thị trấn theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc triển khai, thực hiện một số nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực pháp chế từ đầu nhiệm kỳ 2016 - 2021 đến nay. Ban Pháp chế HĐND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và gửi đến UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị biết thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Pháp chế HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. BAN PHÁP CHẾ
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thái Thịnh
Nguyễn Thái Thịnh